Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ
Phần C: Khoa học Xã hội, Nhân văn và Giáo dục
ISSN 1859-2333 | e-ISSN 2815-5599

DOI:10.22144/ctujos.2026.032

THỰC TRẠNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG DẠY HỌC PHẦN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH TẠI ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Ngô Nhã Lam Duy, Nguyễn Nhật Trường và Cao Ngọc Báu*
Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh, Đại học Cần Thơ, Việt Nam
**Tác giả liên hệ (Corresponding author): cnbau@ctu.edu.vn*

Thông tin chung (Article Information)

Nhận bài (Received): 29/05/2025
Sửa bài (Revised): 20/06/2025
Duyệt đăng (Accepted): 16/11/2025

Title: *Reality of information technology application in teaching the national defense and security education at Can Tho University*

Author: *Ngo Nha Lam Duy, Nguyen Nhat Truong and Cao Ngoc Bau**

Affiliation(s): *Center for National Defense and Security Education, Can Tho University, Viet Nam*

TÓM TẮT

Việc nâng cao chất lượng dạy học môn giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQPAN) tại Đại học Cần Thơ hiện nay là cần thiết vì đây là nhóm học phần bắt buộc cho tất cả sinh viên bậc đại học, trong đó công nghệ thông tin (CNTT) được ứng dụng trong dạy học là một giải pháp được chú trọng. Để đánh giá đúng thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong dạy học học phần GDQPAN, từ đó tìm ra giải pháp thực hiện nâng cao hiệu quả, chất lượng dạy học, trong đó 30 giảng viên giảng dạy và 309 sinh viên đang học tập tại Trung tâm GDQPAN, Đại học Cần Thơ đã được khảo sát bằng bảng hỏi và phỏng vấn 11 giảng viên. Kết quả cho thấy thực trạng hạn chế trong ứng dụng CNTT trong dạy học học phần GDQPAN có nhiều nguyên nhân, nhưng trong đó nội dung và phương pháp ứng dụng trong giảng dạy của giảng viên (GV) là nhân tố quan trọng. Từ thực trạng đó, một số giải pháp đã được đề xuất như cần phải đổi mới, ứng dụng CNTT trong dạy học học phần GDQPAN.

Từ khóa: *Công nghệ thông tin, giáo dục quốc phòng và an ninh, thực trạng ứng dụng, ứng dụng công nghệ thông tin*

ABSTRACT

Enhancing the quality of teaching the National Defense and Security Education (NDSE) at Can Tho University is currently essential since this is a compulsory course for all undergraduate students. In this context, the application of information technology (IT) in teaching is considered a key solution. To accurately evaluate the current status of IT applications in teaching NDSE and to discover solutions for enhancing teaching effectiveness and quality, this study conducted a survey using structured questionnaires. The participants comprised 30 lecturers currently instructing and 309 students studying at the NDSE Center of Can Tho University, with 11 lecturers being interviewed. Research results indicate that the drawbacks of IT application in teaching the NDSE stem from numerous reasons, among which the content and applied methods in teaching by the instructors are crucial factors. Based on these findings, the study proposes several solutions to innovate IT applications in teaching NDSE.

Keywords: *Information technology, information technology application, national defense and security education, reality of application*

1. GIỚI THIỆU

Trong bối cảnh giáo dục hiện đại, vai trò then chốt của công nghệ thông tin (CNTT) đã được khẳng định vững chắc thông qua kinh nghiệm thực tiễn từ nhiều quốc gia. Việt Nam cũng đã thể hiện cam kết mạnh mẽ đối với việc ứng dụng CNTT trong giáo dục. Nhiệm vụ trọng tâm là thúc đẩy việc sử dụng CNTT để đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, quy trình kiểm tra, đánh giá, nghiên cứu khoa học và công tác quản lý tại các cơ sở giáo dục. Mục tiêu cuối cùng là hiện đại hóa và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo trên toàn quốc. (Government of the Socialist Republic of Vietnam, 2017).

Vai trò của ứng dụng CNTT trong dạy học đại học: thúc đẩy giáo dục mở, giúp hoạt động giáo dục đạt hiệu quả cao hơn; người dạy và học dễ dàng thu thập, tổng hợp, lưu trữ được lượng kiến thức phong phú đa dạng được cập nhập thường xuyên; thúc đẩy phát triển năng lực cá nhân và thích ứng nhanh với công việc tương lai (Nguyen, 2021).

Hiện nay, Đại học Cần Thơ đã nỗ lực ứng dụng CNTT vào giảng dạy học phần Giáo dục Quốc phòng và An ninh (GDQPAN). Tuy nhiên, quá trình này vẫn tồn tại nhiều hạn chế và bất cập cần khắc phục. Do đó, việc nghiên cứu, đánh giá một cách khách quan thực trạng ứng dụng CNTT trong giảng dạy GDQPAN có ý nghĩa quan trọng. Kết quả nghiên cứu này giúp cung cấp cơ sở thực tiễn vững chắc để đề xuất các giải pháp đổi mới phương pháp dạy học, hướng đến mục tiêu nâng cao chất lượng dạy học phần GDQPAN tại Đại học Cần Thơ. Đây là một yêu cầu cấp thiết, đáp ứng nhu cầu đổi mới giáo dục hiện tại.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng khảo sát là 30 giảng viên (GV) giảng dạy học phần GDQPAN và 309 sinh viên (SV) đang học tập tại Trung tâm GDQPAN, Đại học Cần Thơ. Đối tượng được chọn bảo đảm tính đại diện cho toàn bộ GV và SV tại trung tâm GDQPAN. Ngoài ra, 11 GV được chọn để phỏng vấn sâu nhằm tìm hiểu những nguyên nhân của các hạn chế.

2.2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện tại Trung tâm GDQPAN, Đại học Cần Thơ trong khoảng thời gian từ tháng 6 năm 2024 đến tháng 2 năm 2025.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp khảo sát điều tra được tiến hành bằng phiếu hỏi và phiếu phỏng vấn. Với phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi, hai mẫu phiếu đã được xây dựng, trong đó có một mẫu phiếu dành cho GV, một mẫu phiếu dành cho SV với hệ thống các câu hỏi về nhận thức, mục tiêu, nội dung, phương tiện, phương pháp ứng dụng CNTT trong dạy học học phần GDQPAN.

Mức độ đánh giá của các đối tượng được xác định bằng thang điểm theo cách tính trung bình cộng và độ lệch chuẩn. Ý nghĩa của từng giá trị trung bình đối với thang đo khoảng được xác định như sau: Giá trị của mỗi khoảng = (Maximun – Minimun)/n ⇒ (5 - 1)/5 = 0,8. Kết quả khảo sát dùng phương pháp toán học phân tích số liệu, so sánh, tổng hợp, đánh giá để làm luận cứ cho nghiên cứu.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Lý luận về ứng dụng CNTT trong dạy học

3.1.1. Quan niệm về CNTT

CNTT là sự kết hợp giữa phương pháp khoa học, công cụ kỹ thuật tiên tiến, đặc biệt là kỹ thuật máy tính và viễn thông. Mục tiêu của CNTT là quản lý, khai thác hiệu quả nguồn thông tin dồi dào, tiềm năng, ứng dụng trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội và hoạt động của con người. CNTT đóng vai trò then chốt trong việc tối ưu hóa việc sử dụng tài nguyên thông tin (Ministry of Information and Communications, 2020).

Theo Nguyen (2023): CNTT là tập hợp các công nghệ được sử dụng nhằm xây dựng, điều chỉnh và khai thác có hiệu quả các nguồn tài nguyên thông tin trong mọi lĩnh vực hoạt động của con người và xã hội

3.1.2. Quan niệm về ứng dụng CNTT trong dạy học

Hoang (2003) cho rằng giáo dục là quá trình bồi dưỡng văn hóa và rèn luyện đạo đức theo khuôn khổ chương trình đã định.

Dưới góc độ tiếp cận hệ thống, dạy học là một quá trình phức hợp, bao gồm nhiều yếu tố tương tác. Các thành tố then chốt bao gồm mục tiêu giáo dục, vai trò của người dạy và người học, nội dung chương trình, phương pháp sư phạm, công cụ hỗ trợ giảng dạy, quy trình đánh giá hiệu quả và bối cảnh môi trường học tập (Vu, 2010). Sự phối hợp hài hòa giữa các yếu tố này đóng vai trò quyết định đến thành công của quá trình dạy và học.

Dựa trên tổng hợp các quan điểm về ứng dụng, CNTT và sư phạm, trong đó khái niệm ứng dụng CNTT trong giáo dục đã được tập trung tìm hiểu trong nghiên cứu. Việc ứng dụng CNTT trong dạy học được định nghĩa là quá trình tích hợp các thành tựu CNTT để thiết kế, tối ưu hóa và sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thông tin. Mục tiêu là nâng cao chất lượng và hiệu quả của các hoạt động giảng dạy và học tập. Điều này bao gồm việc tận dụng các công cụ và nền tảng kỹ thuật số để cải thiện trải nghiệm học tập và đạt được kết quả tốt hơn.

3.2. Thực trạng ứng dụng CNTT trong dạy học học phần GDQPAN

3.2.1. Thực trạng nhận thức về tầm quan trọng ứng dụng CNTT trong dạy học

Trong quá trình nghiên cứu, việc khảo sát ý kiến từ 309 SV và 30 GV về sự cần thiết của hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học phần GDQPAN tại Đại học Cần Thơ đã được thực hiện, kết quả thể hiện qua Bảng 1.

Bảng 1. Mức độ cần thiết ứng dụng CNTT trong dạy học của SV và GV

Nội dung	Mức độ										$\overline{X}$	*SD*
	Hoàn toàn không cần thiết		Không cần thiết		Bình thường		Cần thiết		Rất cần thiết			
	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%		
SV [a]	9	2,9	11	3,6	0	0	217	70,2	72	23,3	4,07	0,79
GV [b]	0	0	5	16,7	7	23,3	8	26,7	10	33,3	3,77	1,09

Ghi chú: [a]N = 309 SV, [b]N = 30 GV.

Kết quả Bảng 1 cho thấy GV và SV tại Trung tâm GDQPAN, Đại học Cần Thơ, nhìn chung đều nhận thức rõ vai trò và tầm quan trọng của CNTT. Điều này được thể hiện qua điểm trung bình từ ý kiến của GV, khẳng định tính cần thiết của việc ứng dụng CNTT trong giảng dạy GDQPAN.

Tuy nhiên, số liệu cũng chỉ ra sự khác biệt về mức độ nhận thức giữa hai nhóm đối tượng. Cụ thể, GV đánh giá mức độ cần thiết của CNTT thấp hơn so với SV. Đáng chú ý, có 16,7% GV cho rằng việc ứng dụng CNTT trong môn học GDQPAN là không thực sự cần thiết. Điều này cho thấy một bộ phận GV có thể chưa nhận thức đầy đủ về vai trò và tầm quan trọng của CNTT trong việc nâng cao hiệu quả giảng dạy GDQPAN hiện nay.

3.2.2. Thực trạng về mục tiêu ứng dụng CNTT trong học phần GDQPAN

Kết quả Bảng 2 cho thấy, SV đánh giá cao vai trò CNTT trong học phần GDQPAN so với GV. Mức độ cần thiết được SV nhận định từ 3,7 đến 4,17 cho cả năm mục tiêu. Trong khi đó, GV chỉ đánh giá bốn mục tiêu ở mức 3,73 đến 4,1. Đáng chú ý, mục tiêu về môi trường học tập sáng tạo chỉ đạt 2,79 theo đánh giá của GV. Điều này cho thấy, một bộ phận GV chưa thật sự coi trọng ứng dụng CNTT trong giảng dạy GDQPAN. Việc đánh giá thấp mục tiêu ứng dụng CNTT của GV phù hợp kết quả bảng 1 với 16,7% GV cho rằng không cần thiết ứng dụng CNTT trong dạy học. Sự khác biệt này cần được xem xét để cải thiện việc ứng dụng CNTT, nâng cao chất lượng dạy và học GDQPAN của đội ngũ GV.

Bảng 2. Mục tiêu tiêu ứng dụng CNTT trong học phần GDQPAN

Mục tiêu	Đối tượng	Mức độ %					$\overline{X}$	*SD*
		Hoàn toàn không cần thiết n (%)	Không cần thiết n (%)	Bình thường n (%)	Cần thiết n (%)	Rất cần thiết n (%)		
1. Tạo môi trường làm việc, học tập cởi mở, sáng tạo cho GV và SV.	*SV*	0(0)	29(9,4)	59(19,1)	158(51,1)	63(20,4)	3,82	0,86
	GV	0(0)	12(40)	12(40)	6(20)	0(0)	2,79	0,75
2. Giúp GV đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học	*SV*	0(0)	31(10)	92(30)	124(40)	62(20)	3,7	0,9
	GV	0(0)	5(16,7)	6(20)	7(23,3)	12(40)	3,87	1,12

Mục tiêu	Đối tượng	Mức độ %					$\overline{X}$	*SD*
		Hoàn toàn không cần thiết n (%)	Không cần thiết n (%)	Bình thường n (%)	Cần thiết n (%)	Rất cần thiết n (%)		
3. Đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra, đánh giá kết quả	*SV*	0(0)	21(6,7)	0(0)	206(66,7)	82(26,7)	4,13	0,72
	GV	0(0)	0(0)	8(26,7)	12(40)	10(33)	4,10	0,77
4. Khuyến khích, tạo điều kiện cho SV chủ động tìm kiếm tri thức.	*SV*	0(0)	10(3,3)	0(0)	227(73,3)	72(23,3)	4,17	0,58
	GV	0(0)	1(33,3)	8(26,7)	11(36,7)	10(33,3)	4,00	0,86
5. Nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động dạy và học	*SV*	0(0)	21(6,7)	0(0)	206(66,7)	82(26,7)	4,13	0,72
	GV	0(0)	2(6,7)	7(23,3)	18(60)	3(10)	3,73	0,73

Ghi chú: n_{SV}=309, n_{GV}=30 $\overline{X}$ = 3,84.

3.2.3. Thực trạng nội dung ứng dụng CNTT trong học phần GDQPAN

Kết quả khảo sát cho thấy SV năm nhất khóa GDQPAN đánh giá mức độ ứng dụng CNTT ở mức "thường xuyên" (3,67), điều này phản ánh sự làm quen và sử dụng tích cực CNTT trong quá trình học. Hoạt động chia sẻ thông tin, tài liệu, tương tác với GV và bạn bè được SV đánh giá cao nhất, đạt mức "thường xuyên". Điều này cho thấy CNTT tạo ra một môi trường học tập cởi mở, thúc đẩy xây dựng cộng đồng, củng cố các mối quan hệ, từ đó hình thành thói quen và văn hóa ứng dụng CNTT trong giảng dạy và học tập tại Đại học Cần Thơ. Hoạt động tra cứu tài liệu học tập trên internet và tự đánh giá kiến thức bằng phần mềm trắc nghiệm xếp thứ hai về mức độ ứng dụng. Ngược lại, hoạt động tham gia các buổi học tập hoặc kiểm tra trực tuyến của học phần GDQPAN có điểm đánh giá thấp hơn. Điều này xuất phát từ đặc thù của học phần GDQPAN, vốn được tổ chức tập trung theo quy định, hạn chế phương thức dạy học trực tuyến (Ministry of Education and Training, 2020). Phương thức này chỉ được triển khai mạnh mẽ trong giai đoạn dịch COVID-19 từ năm 2019 đến 2020.

Bảng 3. Nội dung ứng dụng CNTT của SV trong học phần GDQPAN

Nội dung	Mức độ (%)					$\overline{X}$	SD
	Chưa bao giờ n (%)	Hiếm khi n (%)	Thỉnh thoảng n (%)	Thường xuyên n (%)	Rất thường xuyên n (%)		
1. Tra cứu, tìm kiếm tài liệu học tập học phần GDQPAN trên internet	4(1,3)	57(18,4)	0(0)	205(66,3)	43(13,9)	3,73	0,96
2. Chia sẻ thông tin, tài liệu, tương tác với GV và bạn bè	1(0,3)	55(17,8)	0(0)	197(63,8)	56(18,1)	3,81	0,94
3. Tham gia các buổi học tập hoặc kiểm tra đánh giá online	20(6,5)	79(25,6)	0(0)	170(55)	40(12,9)	3,42	1,18
4. Tự đánh giá kiến thức bằng các phần mềm trắc nghiệm	5(1,6)	55(17,8)	0(0)	207(67)	42(13,6)	3,73	0,96

Ghi chú: n_{SV}=309; $\overline{X}$ = 3,67.

Bảng 4. Mức độ ứng dụng CNTT trong quá trình dạy học phần GDQPAN của GV

Nội dung	Mức độ										$\overline{X}$	*SD*
	Chưa bao giờ		Hiếm khi		Thỉnh thoảng		Thường xuyên		Rất thường xuyên			
	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%		
1. Xây dựng kế hoạch dạy học	3	10	3	10	1	3,3	6	20,0	17	56,7	4,03	1,38
2. Soạn thảo giáo án	3	10	2	6,7	1	3,3	6	20,0	18	60	4,13	1,33
3. Soạn thảo giáo án điện tử	3	10	2	6,7	0	0	7	23,3	18	60	4,16	1,32
4. Soạn thảo giáo án E learning	3	10	7	23,3	0	0	8	26,7	12	40	3,63	1,45
5. Sử dụng máy chiếu trong giảng dạy	3	10	2	6,7	0	0	5	16,7	20	66,6	4,23	1,33
6. Sử dụng các phần mềm hỗ trợ cho công tác soạn thảo, trình chiếu, thống kê….	2	6,7	1	3,3	0	0	10	33,3	17	56,7	4,3	1,1
7. Tìm kiếm cập nhật thông tin trên internet cho giáo án, nội dung bài học	2	6,7	0	0	0	0	8	26,7	20	66,6	4,47	1,02
8. Chia sẻ nội dung học tập với học sinh và đồng nghiệp	3	10	3	10	0	0	9	30	15	50	4,00	1,34
9. Tạo câu hỏi bài thi trắc nghiệm online	4	13,3	5	16,7	0	0	7	23,3	14	46,7	3,73	1,5
10. Xử lý kết quả điểm học phần	4	13,3	4	13,3	0	0	8	26,7	14	46,7	3,80	1,47
11. Phân tích kết quả đánh giá học phần GDQPAN	4	13,3	3	10	0	0	5	16,7	18	60	4,00	1,48
12. Hướng dẫn SV tra cứu thông tin kiến thức trên web trung tâm	3	10	2	6,7	0	0	8	26,7	17	56,7	4,13	1,31

Ghi chú: n_{GV}=30; $\overline{X}$ = 4,05.

Kết quả Bảng 4 với mức độ ứng dụng CNTT của cán GV với (ĐTB = 4,05) cho thấy mức độ ứng dụng CNTT trong dạy học của đội ngũ GV cao hơn hẳn so với SV ($\overline{X}$ = 3,67). Trong đó các hoạt động như xây dựng kế hoạch dạy học, soạn giáo án, giáo án điện tử, sử dụng máy chiếu, phần mềm, chia sẻ tìm kiếm nội dung trên internet, phân tích đánh giá kết quả học phần,… đều có điểm trung bình $\overline{X}$ trên 4,0. Bên cạnh đó, một số mặt vẫn chưa được khai thác đúng với giá trị, như các hoạt động soạn giáo án trên E learning ($\overline{X}$ = 3,63), tạo câu hỏi trắc nghiệm online ($\overline{X}$ =3,73), xử lý kết quả điểm học phần ($\overline{X}$ = 3,8). Những mặt hạn chế này cũng được tìm hiểu sâu thông qua việc phỏng vấn thầy L.T.T, thầy V.A.D, cô T.M.N Khoa Chính trị và thầy V.P.D, thầy Đ.Đ.H Khoa Quân sự được biết: học phần GDQPAN mang tính đặc thù, một số nội dung có tính bảo mật khó khăn trong việc phổ biến công khai rộng rãi trên

internet; hình thức đánh giá học phần chủ yếu là thi trắc nghiệm tập trung nên việc kiểm tra với hình thức online chỉ áp dụng khi có tình huống đặc biệt phát sinh.

Kết quả thống kê được cho thấy hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học như: Việc đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra, đánh giá giúp GV đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học, từng bước nâng cao năng lực GV, từ đó nâng cao chất lượng giảng dạy. Qua đó, SV được khuyến khích, tạo điều kiện để chủ động tìm kiếm tri thức, sắp xếp hợp lý quá trình tự học tập, tự rèn luyện. Điều này giúp tạo môi trường làm việc, học tập cởi mở, sáng tạo cho GV và SV.

3.2.4. Thực trạng chất lượng phương tiện ứng dụng CNTT trong dạy học

Kết quả Bảng 5 cho thấy phương tiện phục vụ cho hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học phần GDQPAN tại Đại học Cần Thơ theo đánh giá của cả GV và SV trên 3/4 nhóm phương tiện ở mức độ bình thường với $\overline{X}$ từ 3,01 đến 3,4. Chỉ duy nhất thiết bị âm thanh được GV và SV đánh giá ở mức độ tốt với $\overline{X} = 4{,}13$ *và* $\overline{X} = 3{,}46$. Như vậy, thực trạng về phương tiện dạy học giúp cho GV và SV có thể ứng dụng CNTT hiện nay là chưa tốt, cần phải được nhà trường kiểm tra, khắc phục, đầu tư hơn nữa để đảm bảo chất lượng hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học phần GDQPAN tại Đại học Cần Thơ.

Bảng 5. Đánh giá chất lượng phương tiện ứng dụng CNTT tại Trung tâm GDQPAN

Phương tiện	Đối tượng	Mức độ %					$\overline{X}$	*SD*
		Rất kém n (%)	Kém n (%)	Bình thường n (%)	Tốt n (%)	Rất tốt n (%)		
1. Máy chiếu, tivi	*SV*	7(2,3)	57(18,4)	64(20,7)	169(54,7)	12(3,9)	3,39	0,91
	GV	1(3,3)	8(26,7)	7(23,3)	9(30)	5(16,7)	3,3	1,13
2. Internet, wifi	*SV*	11(3,6)	60(19,4)	79(25,6)	150(48,5)	9(2,9)	3,28	0,93
	GV	0(0)	12(40)	8(26,7)	6(20)	4(13,3)	3,07	1,06
3. Âm thanh	*SV*	20(6,5)	69(22,3)	0(0)	188(60,8)	32(10,4)	3,46	1,14
	GV	0(0)	5(16,7)	0(0)	11(36,7)	14(46,7)	4,13	1,06
4. Máy bắn tập MBT03	*SV*	13(4,2)	55(17,8)	92(29,8)	125(40,5)	23(7,4)	3,28	0,98
	GV	5(16,7)	1(3,3)	7(23,3)	11(36,7)	6(20)	3,4	1,31

Ghi chú: $n_{SV}=309$, $n_{GV}=30$, $\overline{X} = 3{,}41$.

3.2.5. Thực trạng phương pháp hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học

Kết quả Bảng 6 cho thấy các phương pháp ứng dụng CNTT trong dạy học phần GDQPAN chưa được GV sử dụng thường xuyên với 9/10 phương pháp được hỏi ý kiến; trong đó có phương pháp học tập qua trò chơi (Game-based Learning) chỉ được sử dụng với mức độ "*hiếm khi*". Chỉ có duy nhất phương pháp trình chiếu được GV ở trung tâm sử dụng "*rất thường xuyên*". Như vậy, có thể khẳng định đội ngũ GV đã sử dụng đa các phương pháp để ứng dụng CNTT trong dạy học phần GDQPAN tại Trung tâm nhưng còn hạn chế chỉ dừng lại ở mức độ "*thỉnh thoảng*". Nguyên nhân có thể là do phương tiện dạy học còn chưa đáp ứng hoặc năng lực, chuyên môn về CNTT của GV còn hạn chế. Vấn đề này đã được tìm hiểu sâu thông qua việc phỏng vấn thầy N.D.A, thầy N.N.T.A, cô T.M.N Khoa Chính trị và thầy V.P.D, thầy Đ.Đ.H, thầy N.X.H Khoa Quân sự được biết: Đội ngũ GV hiện nay cơ bản là Sĩ quan Quân đội từ các đơn vị chiến đấu của Quân khu 9 được Bộ Quốc phòng biệt phái về trung tâm làm nhiệm vụ giảng dạy GDQPAN cho SV nên trình độ chuyên môn về CNTT còn hạn chế; việc ứng dụng CNTT trong dạy học chủ yếu tập trung vào soạn giáo án, soạn giáo điện tử, trình chiếu trong giảng dạy,… Bên cạnh đó, phương tiện dạy học để ứng dụng CNTT trong trung tâm sau thời gian hơn 10 năm sử dụng xuống cấp, chưa được bổ sung, đầu tư kịp thời cũng ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học phần GDQPAN.

Bảng 6. Phương pháp ứng dụng CNTT trong dạy học phần GDQPAN

Nội dung	Mức độ										$\overline{X}$	*SD*
	Chưa bao giờ		Hiếm khi		Thỉnh thoảng		Thường xuyên		Rất thường xuyên			
	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%		
1. Phương pháp trình chiếu	0	0	1	3,3	0	0	19	63,3	10	33,3	4,27	0,63
2. Phương pháp dạy học trực tuyến (E-learning)	0	0	8	26,7	14	46,7	5	16,7	3	10	3,1	0,91
3. Phương pháp học tập qua video bài giảng	1	3,3	2	6,7	16	53,3	8	26,7	3	10	3,33	0,87
4. Phương pháp dạy học với phần mềm mô phỏng	0	0	7	23,3	19	63,3	4	13,3	0	0	2,9	0,6
5. Phương pháp học tập qua trò chơi (Game-based Learning)	14	46,7	10	33,3	4	13,3	2	6,7	0	0	1,8	0,91
6. Phương pháp học tập trực tuyến kết hợp (Blended Learning)	0	0	16	53,3	9	30	3	10,0	2	6,7	2,7	0,9
7. Phương pháp sử dụng mạng xã hội trong học tập	14	46,7	2	6,7	7	23,3	7	23,3	0	0	2,23	1,26
8. Phương pháp học tập qua phần mềm quản lý học tập (LMS)	0	0	12	40	12	40	5	16,7	1	3,3	2,83	0,82
9. Phương pháp học tập qua ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI)	5	16,7	14	46,7	10	33,3	1	3,3	0	0	2,23	0,76
10. Phương pháp đánh giá trực tuyến	3	10	12	40	10	33,3	5	16,7	0	0	2,56	0,88

Ghi chú: n_{GV} *=30,* $\overline{X}$ *= 2,78.*

3.3. Giải pháp nâng cao ứng dụng CNTT trong dạy học phần GDQPAN

3.3.1. Đối với Trung tâm GDQPAN

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của GV về tầm quan trọng, sự cần thiết của việc ứng dụng CNTT trong dạy học

Xuất phát từ thực trạng một số GV chưa nhận thức cao về sự cần thiết của việc ứng dụng CNTT trong dạy học. Trung tâm cần tăng cường các hoạt động truyền thông đa dạng, nhằm chuyển đổi và nâng cao nhận thức của giáo viên về tầm quan trọng của việc ứng dụng CNTT trong giảng dạy. Mục tiêu là để giáo viên coi việc ứng dụng CNTT như một yêu cầu tất yếu trong kỷ nguyên số. Quá trình này đòi hỏi sự linh hoạt, sáng tạo và đổi mới không ngừng trong phương pháp truyền thông, đồng thời bám sát thực tiễn giảng dạy. Trung tâm có thể triển khai các hình thức tuyên truyền trực tiếp, hiệu quả thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn, hội thảo khoa học, báo cáo chuyên đề và các diễn đàn trao đổi kinh nghiệm.

Tăng cường hơn nữa tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kiến thức và kỹ năng CNTT chuyên sâu cho GV

Trong bối cảnh giáo dục hiện nay, đặc biệt đối với GV môn GDQPAN, việc trang bị kiến thức và kỹ năng CNTT là vô cùng quan trọng. Điều này giúp họ làm chủ các phần mềm và công cụ hỗ trợ, từ đó nâng cao hiệu quả giảng dạy. Để đáp ứng yêu cầu

này, trung tâm cần tập trung vào việc tổ chức các chương trình giáo dục và bồi dưỡng CNTT cho đội ngũ GV. Các lớp bồi dưỡng và tập huấn chuyên sâu về ứng dụng CNTT trong giảng dạy nên được tổ chức thường xuyên. Qua đó, GV có cơ hội trau dồi và nâng cao trình độ CNTT, điều này giúp đáp ứng tốt hơn yêu cầu của công việc trong thời đại số.

Đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ giảng dạy hiện đại

Việc nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật, trọng tâm là trang bị máy tính, mạng lưới hiện đại và phần mềm chuyên dụng, nhằm đáp ứng nhu cầu ứng dụng CNTT trong giáo dục. Mục tiêu là kiến tạo môi trường tối ưu, tương thích với đặc thù từng môn học, hỗ trợ GV và SV khai thác hiệu quả CNTT trong quá trình giảng dạy và học tập. Việc này thúc đẩy đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng đào tạo và tạo tiền đề cho sự phát triển của nhà trường trong bối cảnh số hóa. Để tối ưu hóa việc ứng dụng CNTT trong giảng dạy, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Thứ nhất, việc khảo sát, đánh giá toàn diện hạ tầng cơ sở vật chất hiện có cần được tiến hành, bao gồm: số lượng, chất lượng máy tính, hệ thống mạng, máy chiếu và phần mềm hỗ trợ giảng dạy. Mục tiêu là xác định nhu cầu đầu tư bổ sung, đảm bảo đáp ứng đầy đủ cả về số lượng lẫn chất lượng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc ứng dụng CNTT hiệu quả trong quá trình dạy và học.

Thứ hai, việc xây dựng và củng cố hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật chuyên dụng cho ứng dụng CNTT trong các trung tâm đào tạo cần được thực hiện. Đồng thời, công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ quản lý, GV và SV trong việc quản lý, sử dụng hiệu quả các trang thiết bị phục vụ giảng dạy cần được đẩy mạnh. Bên cạnh đó, quy chế quản lý, bảo trì và khai thác hợp lý các phương tiện kỹ thuật, phù hợp với nội dung và phương pháp giảng dạy đổi mới cần được ban hành. Đặc biệt, việc phòng ngừa các rủi ro cần được chú trọng như thất thoát, hư hỏng, đặc biệt đối với các thiết bị hiện đại, có giá trị cao.

Thứ ba, các khóa tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, GV và các lực lượng tham gia ứng dụng CNTT trong giảng dạy cần được tổ chức thường xuyên. Nội dung tập huấn cần tập trung vào việc nắm vững tính năng, công dụng, quy trình vận hành và cách sử dụng các phương tiện kỹ thuật hiện đại. Mục tiêu là nâng cao hiệu quả quản lý và khai thác các thiết bị, phục vụ đắc lực cho hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học.

Thứ tư, việc phân bổ nguồn lực tài chính cần được ưu tiên thực hiện để đầu tư vào việc trang bị, sửa chữa, bảo trì và quản lý, sử dụng cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật phục vụ cho hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học.

3.3.2. Đối với GV

Thường xuyên học tập, nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm ứng dụng CNTT trong giảng dạy

Để làm chủ công nghệ và ứng dụng hiệu quả CNTT vào giảng dạy GDQPAN, GV cần liên tục trau dồi kiến thức, kỹ năng. Điều này đòi hỏi sự chủ động học hỏi, nghiên cứu, tiếp thu tri thức mới, cùng với việc tích cực giao lưu, trao đổi kinh nghiệm ứng dụng CNTT từ thực tiễn giảng dạy và cuộc sống. Đây là yêu cầu thiết yếu đối với GV trong bối cảnh giáo dục hiện đại.

GV cần chủ động tham gia các khóa bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng CNTT, hoặc các khóa đào tạo ngắn hạn chuyên sâu. Đồng thời, tinh thần tự học, tự nghiên cứu cần được đề cao thông qua việc tìm kiếm, thu thập và tham khảo các tài liệu, giáo trình hướng dẫn sử dụng CNTT, nhằm tích lũy kiến thức cho bản thân.

Sự chủ động tham gia các hoạt động ngoại khóa, các cuộc thi liên quan đến CNTT cũng rất quan trọng. Qua đó, GV có cơ hội học hỏi từ đồng nghiệp, rèn luyện kỹ năng và từng bước nâng cao khả năng ứng dụng CNTT vào công việc giảng dạy một cách hiệu quả hơn. Việc này giúp GV không chỉ nâng cao trình độ chuyên môn mà còn góp phần vào sự đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục GDQPAN. Sự kết hợp giữa kiến thức chuyên môn và kỹ năng CNTT sẽ tạo ra những bài giảng sinh động, hấp dẫn và hiệu quả hơn.

Tích cực, chủ động đưa CNTT vào mọi hoạt động dạy học

Việc ứng dụng CNTT trong giảng dạy chưa phát huy tối đa hiệu quả do một bộ phận GV còn hạn chế về kỹ năng sử dụng. Để giải quyết vấn đề này, GV cần chủ động và tích cực hơn trong việc ứng dụng CNTT, hướng tới mục tiêu xây dựng môi trường học tập số toàn diện, bao gồm người dạy số, người học số và học liệu số.

GV cần chủ động cập nhật thông tin về các xu hướng công nghệ mới, đồng thời bổ sung các phần mềm và ứng dụng hiện đại vào bộ công cụ hỗ trợ giảng dạy cá nhân. Trong quá trình chuẩn bị bài giảng và thực hiện giảng dạy, GV nên tìm tòi, nghiên cứu và kết hợp sử dụng đa dạng các phần mềm, ứng dụng và thiết bị truyền thông để khai thác

tối đa tiềm năng, không ngừng đổi mới phương pháp.

Khi biên soạn đề kiểm tra, đề thi, việc sử dụng phần mềm hoặc các công cụ trực tuyến thay vì phương pháp thủ công "cắt và dán" sẽ giúp tiết kiệm thời gian, đồng thời đảm bảo tính khách quan và khoa học của quá trình đánh giá. Bên cạnh đó, GV cần tận dụng các công cụ trực tuyến để nâng cao hiệu quả quản lý lớp học, tăng cường tương tác với SV, giúp quá trình trao đổi thông tin diễn ra suôn sẻ và thuận tiện hơn.

4. KẾT LUẬN

Trong kỷ nguyên 4.0, CNTT ngày càng chứng minh vai trò then chốt trong mọi mặt đời sống. Đặc biệt, trong GDQPAN, CNTT mở ra tiềm năng to lớn. GV GDQPAN có thể tận dụng CNTT để cung cấp nguồn tài liệu đa dạng, phong phú cho SV. Thay vì chỉ truyền đạt kiến thức một chiều, GV có thể sử dụng video, hình ảnh minh họa để tăng tính trực quan, hấp dẫn của bài giảng, thu hút sự chú ý của SV.

Hơn nữa, CNTT tạo điều kiện cho SV chủ động tiếp cận kiến thức từ nhiều nguồn khác nhau, từ đó nâng cao tinh thần tự học, rèn luyện kỹ năng hợp tác và khả năng ứng dụng kiến thức vào thực tế. Việc này giúp SV không chỉ nắm vững lý thuyết mà còn có khả năng giải quyết các vấn đề thực tiễn một cách linh hoạt và sáng tạo. CNTT trở thành công cụ hỗ trợ đắc lực cho cả GV và SV trong quá trình dạy và học GDQPAN.

TÀI LIỆU THAM KHẢO (REFERENCES)

Ministry of Information and Communications. (2020). *Online Digital Transformation Handbook (dx.mic.gov.vn) (in Vietnamese).*

Government of the Socialist Republic of Vietnam. (2017). *Decision No. 117/QD-TTg - Approving the Project "Enhancing the application of IT in management and support of teaching - learning and scientific research activities, contributing to improving the quality of education and training in the period 2016 - 2020, orientation to 2025" (in Vietnamese).*

Hoang, P. (Editor-in-Chief) (2003). *Vietnamese Dictionary*. Da Nang Publishing House - Center for Lexicography, Da Nang - Hanoi. *(in Vietnamese)***.**

Bay, V. D. (2010). *Teaching methods of Civic Education in high schools.* Vietnam Education Publishing House, Hanoi *(in Vietnamese)***.**

Nguyet, T. B. N. (2021). The role of technology in teaching and learning at universities today. *Industry and trade Magazine, the theoretical and informational organ of the Ministry of Industry and Trade.*

Thuan, Q. N. (2023). *Applying information technology in teaching Civic Education with a competency – based approach in contemporary high schools*. Doctoral dissertation in the field of Educational Science.